|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN BA CHẼ  **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I**  **Năm học ................**  **Môn: SINH HỌC 8**  **Thời gian: 45 phút** (*Không kể thời gian giao* *đề*) |

**I/TRẮC NGHIỆM (4 điểm)**

**Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.**

**Câu 1: Biến dị tổ hợp là gì?**

A. Sự xuất hiện các kiểu hình khác bố mẹ C. Sự xuất hiện các kiểu hình giống mẹ

B. Sự xuất hiện các kiểu hình giống bố mẹ D. Sự xuất hiện các kiểu hình giống bố

**Câu 2: Một đoạn mạch đơn phân của phân tử ADN có trình tự sắp xếp như sau:**

**-A-T-G-X-T-A-G-T-X- . Đoạn mạch bổ sung với nó :**

1. -A-T-X-G-T-G-A-X- G- C. -A-T-G-X-T-A-G-X-T-
2. -T-A-X-G-A-T-X-A-G- D. A-T-G-X-T-X-A-G- T-

**Câu 3: Ý nghĩa cơ bản của quá trình nguyên phân là gì?**

A. Sự phân li không đồng đều chất nhân từ tế bào mẹ đến tế bào con

B. Sự nhân đôi của các tế bào trong quá trình phân bào

C. Bộ NST của tế bào mẹ được sao chép nguyên vẹn cho 2 tế bào con

D. Sự phân li không đồng đều của các NST từ tế bào mẹ đến tế bào con

**Câu 4: Kết quả của F1 khi lai P thuần chủng : Hoa đỏ (AA) x Hoa trắng (aa) là gì?**

1. Hoa đỏ AA B. Hoa đỏ Aa C. Hoa trắng aa D. Hoa hồng Aa

**Câu 5: Nguyên tắc bổ sung trong cấu trúc của ADN dẫn đến hệ quả:**

1. A = X, G = T C. A = G, T = X
2. A + T = G + X D. A + G = T + X

**Câu 6: Ở người, nếu bộ NST có 3 NST số 21 thì mắc hội chứng nào?**

1. Bệnh Đao C. Bệnh Tơcnơ
2. Bệnh ung thư máu D. Bệnh Claiphentơ

**Câu 7: Phát biểu nào sau đây là không đúng với phép lai phân tích?**

1. Phép lai giữa cá thể mang tính trạng lặn cần xác định với cá thể khác
2. Được dùng để xác định giống có thuần chủng hay không.
3. Phép lai giữa cá thể mang tính trạng trội cần xác định với cá thể mang tính trạng lặn
4. Nếu kết quả lai là phân tích thì cá thể mang tính trạng trội có kiểu gen dị hợp

**Câu 8: Đem lai 2 cây hạt vàng, trơn và xanh, nhăn với nhau, F1 thu được toàn cây hạt vàng, trơn. Giao phấn các cây F1 với nhau, ở F2 thu được các kiểu hình với tỉ lệ:**

1. 3 : 3: 1 : 1 C. 1 : 2 : 1
2. 1 : 1 : 1 : 1 D. 9 : 3 : 3 : 1

**II/TỰ LUẬN (6 điểm)**

**Câu 1 (1 điểm)**: Đột biến gen là gì? Nêu các dạng đột biến gen.

**Câu 2 (3 điểm):** Những điểm khác nhau giữa NST thường và NST giới tính?

**Câu 3 (1,5 điểm)**: Một đoạn gen có chiều dài L = 3400 Ao , trong đó số nuclêôtit loại Ađênin là 400 nuclêôtit.

a/ Tính tổng số nuclêôtit của đoạn gen đó?

b/ Số nuclêôtit từng loại trong đoạn gen là bao nhiêu?

c/ Tính số liên kết Hiđrô của gen?

**Câu 4 (0,5 điểm):** Mối liên hệ giữa gen và tính trạng được thể hiện qua sơ đồ như thế nào?

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| UBND HUYỆN BA CHẼ  **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | | | **ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I**  **Năm học ................**  **Môn: SINH HỌC 8**  **Thời gian: 45 phút** (*Không kể thời gian giao* *đề*) | |
|  |  | |

**I/TRẮC NGHIỆM (4 điểm):** Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | A | B | C | B | D | A | A | D |

**II/TỰ LUẬN (6 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **1**  **(1 điểm)** | **- Khái niệm đột biến gen**: Là những biến đổi trong cấu trúc của gen liên quan đến một hoặc một số cặp nuclêôtit.  - **Các dạng của đột biến**: Mất 1 nuclêôtit, thêm 1 nuclêôtit, thay thế một cặp nuclêotit. | **0,5đ**  **0,5đ** |
| **2**  **(3 điểm)** | **Những điểm khác nhau giữa NST thường và NST giới tính:**   |  |  | | --- | --- | | **NST thường** | **NST giới tính** | | - Tồn tại nhiều cặp, các NST trong mỗi cặp luôn luôn đồng dạng, giống nhau ở cả giới đực và giới cái. | - Chỉ tồn tại 1 cặp, có thể đồng dạng hoặc không đồng dạng ở hai giới. Khi thì đồng dạng ở giới đực, khi thì đồng dạng ở giới cái. | | - Gen tồn tại trên NST thành cặp gen tương ứng. | - Gen có thể tồn tại thành từng cặp, có thể tồn tại thành từng alen riêng rẽ ở các vùng khác nhau trên NST XY. | | - Chỉ mang gen quy định tính trạng thường của cơ thể. | - NST giới tính mang gen quy định tính trạng liên quan và không liên quan với giới tính. | | **1đ**  **1đ**  **1đ** |
| **3**  **(1,5 điểm)** | **a/ Tính tổng số nuclêôtit của đoạn gen đó**:  L = N/ 2 . 3,4 → N = 2L/3,4 = 2 . 3400/3,4 = 2000 ( nu)  **b/ Tính số lượng từng loại nu trong đoạn gen**:  Ta có A = T → A= T = 400 ( nu)  Theo công thức N = 2 ( A + G) → G = N/2 – A= 2000 /2 – 400 = 600 ( nu)  Mà G = X →G*=*  X = 600 (nu)  **c/Số liên kết Hiđrô của gen**  H = 2.A + 3.G = 2.400 +3.600 = 2600 (liên kết Hiđrô) | **0,5đ**  **0,5đ**  **0,5đ** |
| **4**  **( 0,5 điểm)** | Sơ đồ: Gen (một đoạn ADN) → mARN → Prôtêin → Tính trạng | **0,5đ** |